

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
AN PHÚ ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp): PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 12
(Tên cơ sở giáo dục): **TRƯỜNG THCS AN PHÚ ĐÔNG**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
Năm học 2022 – 2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1649	488	332	422	407
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1148 (69.61%)	350 (71.7%)	207 (62.4%)	300 (71.1%)	291 (71.5%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	429 (26.01%)	113 (23.2%)	104 (31.3%)	96 (22.75%)	116 (28.5%)
3	Trung bình - Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	72 (4.36%)	25 (5.12%)	21 (6.33%)	26 (6.16%)	0
4	Yếu – Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1649	488	332	422	407
1	Giỏi – Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	575 (34.86%)	195 (39.96%)	119 (35.84%)	136 (32.23%)	125 (30.75%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	615 (37.29%)	168 (34.43%)	117 (35.24%)	164 (38.86%)	166 (40.79%)
3	Trung bình – Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	395 (23.95%)	105 (21.52%)	78 (23.49%)	96 (22.75%)	116 (28.5%)
4	Yếu - Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	61 (3.69%)	20 (4.1%)	18 (5.42%)	23 (5.45%)	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	3 (0.18%)	0	0	3 (0.71%)	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1649	488	332	422	407
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1626 (98.6%)	480 (98.36%)	326 (98.19%)	413 (97.87%)	407 (100%)
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	119 (7.21%)	81 (16.6%)	38 (11.45%)		
b	Học sinh giỏi/tốt (tỷ lệ so với tổng số)	454 (27.53%)	112 (22.95%)	81 (24.4%)	136 (32.23%)	125 (30.71%)
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	330 (20.01%)			164 (38.86%)	166 (40.79%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	23 (1,39%)	8 (1.6%)	6 (1.8%)	9 (2.13%)	0

4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	Đi:28 (1.69%)	7 (1,43%)	11 (3.31%)	6 (1.42%)	4 (0.98%)
		Đến:44 (2,66%)	4 (0.81%)	15 (4.51)	14 (3.31%)	11 (2.7%)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	11 (0.66%)	2 (0.4%)	3 (0.9%)	6 (1.42%)	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện					12
2	Cấp tỉnh/thành phố					7
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					407
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					125 (30.71%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					166 (40.79%)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					116 (28.5%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	838/811	251/237	183/149	210/212	194/213
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	33	10	7	7	9

Quận 4, ngày 08 tháng 6 năm 2023



Trần Hữu Nguyên Chương